

ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM KHẢO THÍ VÀ
ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO

Số: 19 / KT&ĐG-ĐGNL
V/v thông tin kết quả kỳ thi đánh giá năng lực
ĐHQG-HCM năm 2023 và kế hoạch 2024

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 01 năm 2024

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH ĐỒNG NAI

Số: 482

ĐẾN Ngày: 23/01/2024

Chuyển:

Số và ký hiệu HS:

Kính gửi: Sở Giáo dục và Đào tạo Đồng Nai

Với mục tiêu đa dạng hóa phương thức tuyển sinh, góp phần tuyển chọn được những thí sinh có đủ năng lực và phù hợp với đặc thù của các chương trình đào tạo, từ năm 2018, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh (ĐHQG-HCM) đã tổ chức kỳ thi Đánh giá năng lực (ĐGNL). Kết quả của kỳ thi ĐGNL được sử dụng như một phương thức xét tuyển vào 09 đơn vị thành viên ĐHQG-HCM và hơn 90 trường ĐH, CĐ ngoài hệ thống ĐHQG-HCM.

Năm 2023, kỳ thi ĐGNL ĐHQG-HCM đã thu hút 133.775 lượt thí sinh đến từ hầu hết các tỉnh thành trong cả nước đăng ký tham gia. Tỉnh Đồng Nai có 6.725 thí sinh đến từ 86 trường Trung học phổ thông, phổ thông, Dân tộc nội trú, Trung tâm Giáo dục thường xuyên của tỉnh Đồng Nai đăng ký dự thi. Trung tâm Khảo thí và Đánh giá Chất lượng Đào tạo (Trung tâm) xin gửi thông tin số liệu và một số phân tích về kết quả thi ĐGNL ĐHQG-HCM của học sinh tỉnh Đồng Nai để Quý Sở tham khảo.

Năm 2024, ĐHQG-HCM sẽ tổ chức 02 đợt kỳ thi Đánh giá năng lực (ĐGNL) vào tháng Tư và tháng Sáu. Trung tâm kính thông báo đến Quý Sở thông tin thời gian và địa điểm tổ chức kỳ thi ĐGNL ĐHQG-HCM năm 2024 như sau:

Thời gian Địa điểm	Đợt 1 Sáng Chủ Nhật, 07/4/2024	Đợt 2 Sáng Chủ nhật, 02/6/2024
Miền Trung	Thừa Thiên Huế, Đà Nẵng, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên, Khánh Hòa, Đắk Lắk, Lâm Đồng, Bình Thuận	Thừa Thiên Huế, Đà Nẵng, Bình Định, Khánh Hòa, Đắk Lắk, Lâm Đồng
Đông Nam Bộ	Thành phố Hồ Chí Minh, Bình Dương, Đồng Nai, Bà Rịa– Vũng Tàu, Bình Phước, Tây Ninh	Thành phố Hồ Chí Minh, Bình Dương, Đồng Nai, Bà Rịa– Vũng Tàu
Tây Nam Bộ	Tiền Giang, Bến Tre, Đồng Tháp, Vĩnh Long, An Giang, Cần Thơ, Kiên Giang, Bạc Liêu	Tiền Giang, An Giang

Các thông tin chi tiết về kỳ thi ĐGNL ĐHQG-HCM được công bố tại các trang thông tin điện tử: <http://thinangluc.vnuhcm.edu.vn>; <http://cete.vnuhcm.edu.vn/thi-danh-gia-nang-luc.html>.

Trung tâm kính đề nghị Quý Sở Giáo dục và Đào tạo Đồng Nai cùng phối hợp thông báo thông tin đến các bên liên quan và tạo điều kiện cho các thí sinh tham gia kỳ thi.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, KT&ĐG.

Đính kèm:

- Thông tin kỳ thi ĐGNL ĐHQG-HCM 2024;
- Các mốc thời gian kỳ thi ĐGNL ĐHQG-HCM 2024;
- Danh sách các đơn vị sử dụng kết quả thi ĐGNL;
- Tờ rơi ĐGNL ĐHQG-HCM 2024.

GIAM ĐỐC

TRUNG TÂM
KHẢO THÍ
VÀ ĐÁNH GIÁ
CHẤT LƯỢNG
ĐÀO TẠO

Nguyễn Quốc Chính

$$\frac{2}{3} \frac{d}{dt} \left(\frac{1}{2} \right)$$

$$\frac{1}{2} \frac{d}{dt} \left(\frac{1}{2} \right)$$

$$\frac{1}{2} \frac{d}{dt} \left(\frac{1}{2} \right)$$

$$\frac{1}{2} \frac{d}{dt} \left(\frac{1}{2} \right)$$

$$\frac{1}{2} \frac{d}{dt} \left(\frac{1}{2} \right)$$



GIỚI THIỆU KỲ THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC ĐẠI HỌC QUỐC GIA THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH NĂM 2024

Với mục tiêu tuyển chọn được người học có năng lực tốt, phù hợp với triết lý giáo dục và yêu cầu đào tạo toàn diện, từ năm 2018, ĐHQG-HCM đã tổ chức kỳ thi đánh giá năng lực (ĐGNL) nhằm tuyển chọn những thí sinh có đủ năng lực và phù hợp với đặc thù của các chương trình đào tạo. Kết quả kỳ thi ĐGNL giúp mở rộng phương án xét tuyển của các đơn vị trong và ngoài hệ thống ĐHQG-HCM.

Sau 06 năm thực hiện, kỳ thi đã liên tục phát triển cả về quy mô, chất lượng và hiệu quả tuyển sinh, nhận được sự đánh giá cao của xã hội, tin tưởng của thí sinh, tác động tích cực đến việc nâng cao chất lượng tuyển sinh của nhiều trường đại học, cao đẳng trên cả nước.

Thí sinh đăng ký dự thi kỳ thi ĐGNL ĐHQG-HCM đến từ hầu hết các tỉnh thành trong cả nước và số lượng thí sinh tăng đều theo từng năm. Năm 2023, kỳ thi ĐGNL của ĐHQG-HCM có 133.775 lượt đăng ký dự thi (gấp 27 lần so với năm 2018).

Nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho thí sinh tham dự kỳ thi ĐGNL, ĐHQG-HCM ngày càng mở rộng hơn các địa điểm thi và phối hợp với nhiều trường đại học, cao đẳng tại các địa phương để tổ chức kỳ thi ĐGNL. Kỳ thi ĐGNL ĐHQG-HCM năm 2018 được tổ chức tại 03 địa điểm thi do 05 đơn vị thành viên ĐHQG-HCM triển khai, đến năm 2023, ĐHQG-HCM đã mở rộng phối hợp với 47 trường đại học, cao đẳng để tổ chức kỳ thi ĐGNL tại 86 địa điểm thi trên 21 tỉnh/thành phố. Năm 2024, ĐHQG-HCM mở rộng thêm 03 tỉnh/thành phố (so với năm 2023) và phối hợp với 51 trường đại học, cao đẳng để tổ chức kỳ thi.

Kết quả bài thi ĐGNL có độ tin cậy cao, được nhiều cơ sở giáo dục đại học trong cả nước tin tưởng, khai thác sử dụng phục vụ tuyển sinh đại học. Số lượng các đơn vị sử dụng kết quả xét tuyển cũng như chỉ tiêu dành cho kỳ thi ĐGNL cũng tăng dần từng năm. Năm 2023, ngoài 10 đơn vị thành viên ĐHQG-HCM (mỗi trường dành tối thiểu 40% chỉ tiêu cho phương thức xét tuyển này) còn có 87 trường đại học, cao đẳng ngoài hệ thống đăng ký sử dụng kết quả thi ĐGNL ĐHQG-HCM để tuyển sinh. Năm 2024, dự kiến sẽ có nhiều trường đăng ký sử dụng kết quả thi ĐGNL hơn nữa. Việc tham dự kỳ thi ĐGNL sẽ giúp thí sinh có thêm cơ hội trúng tuyển vào ngành và trường phù hợp với lựa chọn của bản thân.

Bên cạnh đó, kỳ thi đã giới thiệu cách tiếp cận mới về đánh giá năng lực, góp phần định hướng tốt hơn cho học sinh các trường THPT, giúp học sinh THPT học tập và rèn luyện hiệu quả hơn những năng lực quan trọng để học tập lên các bậc cao hơn.

Bài thi ĐGNL ĐHQG-HCM chú trọng đánh giá các năng lực cơ bản để học đại học của thí sinh như: sử dụng ngôn ngữ, tư duy logic, xử lý số liệu, giải quyết vấn đề. Về hình thức, bài thi gồm 120 câu hỏi trắc nghiệm khách quan đa lựa chọn với thời gian làm bài 150 phút. Về nội dung, đề thi cung cấp số liệu, dữ kiện và các công thức cơ bản nhằm đánh giá khả năng suy luận và giải quyết vấn đề, không đánh giá khả năng học thuộc lòng. Đề thi được xây dựng cùng cách tiếp cận như đề thi SAT (Scholastic Assessment Test) của Hoa kỳ và đề thi TSA (Thinking Skills Assessment) của Anh.

Cấu trúc của bài thi ĐGNL gồm 3 phần: Sử dụng ngôn ngữ; Toán học, tư duy logic và phân tích số liệu; và Giải quyết vấn đề.

Phần 1. Sử dụng ngôn ngữ (40 câu)

a) Tiếng Việt (20 câu)

Đánh giá năng lực đọc hiểu văn bản và sử dụng tiếng Việt, và khả năng cảm thụ, phân tích các tác phẩm văn học. Đề thi tích hợp nhiều kiến thức về ngữ văn, đòi hỏi thí sinh nắm vững những kỹ năng thực hành tiếng Việt để áp dụng vào giải quyết các vấn đề liên quan.

Nội dung đánh giá	Mô tả
<i>Hiểu biết văn học</i>	Đánh giá khả năng hiểu các kiến thức văn học cơ bản như: phong cách sáng tác của các tác giả tiêu biểu, nội dung và hình thức nghệ thuật của tác phẩm; vai trò của tác giả, tác phẩm đối với lịch sử văn học.
<i>Sử dụng tiếng Việt</i>	Đánh giá khả năng nhận biết vấn đề về sử dụng tiếng Việt như: xác định những từ viết không đúng quy tắc chính tả, những từ sử dụng sai, những câu mắc lỗi ngữ pháp diễn đạt; nhận biết cấu tạo từ, các biện pháp tu từ, các vấn đề thuộc về ngữ pháp câu, các thành phần trong câu, phép liên kết câu,...
<i>Đọc hiểu văn bản</i>	Đánh giá khả năng phân loại đặc trưng phong cách (phong cách thể loại, phong cách tác giả, phong cách chức năng ngôn ngữ, ...), xác định ý nghĩa của từ/câu trong văn bản, cách tổ chức văn bản, các thủ pháp nghệ thuật được sử dụng, nội dung và tư tưởng của văn bản.

b) Tiếng Anh (20 câu)

Đánh giá năng lực sử dụng tiếng Anh tổng quát ở cấp độ A2-B1 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc, thông qua các nội dung: lựa chọn cấu trúc câu, nhận diện lỗi sai, đọc hiểu câu, đọc hiểu đoạn văn:

Nội dung đánh giá	Mô tả
<i>Lựa chọn cấu trúc câu</i>	Đánh giá khả năng hiểu và áp dụng các cấu trúc câu thông qua việc yêu cầu thí sinh chọn từ/cụm từ có cấu trúc phù hợp để điền vào khoảng trống.
<i>Nhận diện lỗi sai</i>	Đánh giá khả năng hiểu các kiến thức ngữ pháp và áp dụng để giải quyết vấn đề thông qua việc nhận diện lỗi sai trong những phần được gạch chân.
<i>Đọc hiểu câu</i>	Đánh giá khả năng đọc hiểu câu và khả năng áp dụng kiến thức ngữ pháp đã học thông qua việc chọn câu có nghĩa gần nhất với câu đã cho.
<i>Đọc hiểu đoạn văn</i>	Đánh giá khả năng hiểu và áp dụng kiến thức ngữ pháp cũng như kỹ năng đọc lướt để lấy thông tin (skimming) và đọc kỹ để tìm chi tiết (scanning), cụ thể: đọc lướt để trả lời câu hỏi lấy ý chính (main idea), đọc kỹ để trả lời các câu hỏi tham chiếu (reference), câu hỏi chi tiết (detail), câu hỏi từ vựng (vocabulary), câu hỏi suy luận (inference).

Phần 2. Toán học, tư duy logic và phân tích số liệu (30 câu)

Đánh giá khả năng áp dụng các kiến thức toán học; khả năng tư duy logic; khả năng diễn giải, so sánh phân tích số liệu:

Nội dung đánh giá	Mô tả
<i>Toán học</i>	Đánh giá khả năng hiểu và áp dụng các kiến thức toán học trong chương trình giáo khoa trung học phổ thông thuộc các nội dung: ứng dụng của đạo hàm để khảo sát hàm số, số phức (tìm phần thực, phần ảo Mô-đun, không có phương trình bậc 2, không có dạng lượng giác), hình học thuần túy, hình học tọa độ, tích phân và ứng dụng của tích phân, tổ hợp và xác suất, hàm số logarit, giải toán bằng cách lập hệ phương trình, giải hệ phương trình tuyến tính suy biến.
<i>Tư duy logic</i>	Đánh giá khả năng suy luận logic thông qua các hình thức logic đơn lẻ và nhóm logic tình huống. Dựa vào các thông tin được cung cấp trong mỗi tình huống logic cùng với kỹ năng suy luận và phân tích, thí sinh tìm phương án khả thi cho các giả định được đưa ra.
<i>Phân tích số liệu</i>	Đánh giá khả năng đọc và phân tích số liệu thực tế thông qua các sơ đồ và các bảng số liệu. Các sơ đồ và bảng biểu xuất hiện trong đề thi gồm: biểu đồ tròn, biểu đồ Venn, biểu đồ cột, biểu đồ đường, biểu đồ dạng bảng số liệu.

Phần 3. Giải quyết vấn đề (50 câu)

Đánh giá khả năng hiểu các kiến thức giáo khoa cơ bản và áp dụng để giải quyết các vấn đề cụ thể thuộc năm lĩnh vực, gồm ba lĩnh vực khoa học tự nhiên (hóa học, vật lý, sinh học) và hai lĩnh vực khoa học xã hội (địa lý, lịch sử):

Nội dung đánh giá	Mô tả
<i>Lĩnh vực khoa học tự nhiên (hóa học, vật lý, sinh học)</i>	Các câu hỏi đơn lẻ đánh giá khả năng hiểu các kiến thức giáo khoa cơ bản liên quan đến ba lĩnh vực khoa học tự nhiên: hóa học, vật lý, sinh học. Các nhóm câu hỏi tình huống đánh giá khả năng đọc, tư duy, suy luận logic về hóa học, vật lý, sinh học thông qua dữ kiện được cung cấp trong các bài đọc và kiến thức đã học; đánh giá khả năng áp dụng các kiến thức phổ thông để giải quyết các vấn đề liên quan.
<i>Lĩnh vực khoa học xã hội (địa lý, lịch sử)</i>	Các câu hỏi đơn lẻ đánh giá khả năng hiểu kiến thức giáo khoa cơ bản liên quan đến lĩnh vực khoa học xã hội: địa lý, lịch sử. Các nhóm câu hỏi tình huống đánh giá khả năng đọc, tư duy, suy luận logic về địa lý, lịch sử thông qua dữ kiện được cung cấp trong các bài đọc, kiến thức đã học hoặc kiến thức thực tế; năng lực áp dụng các kiến thức phổ thông để giải quyết các vấn đề liên quan.

Kết quả thi ĐGNL được xác định bằng phương pháp trắc nghiệm hiện đại theo Lý thuyết

Ứng đáp Câu hỏi (Item Response Theory - IRT). Điểm của từng câu hỏi có trọng số khác nhau tùy thuộc vào độ khó và độ phân biệt của câu hỏi. Điểm số tối đa của bài thi là 1.200 điểm, trong đó điểm tối đa phần Sử dụng ngôn ngữ là 400 điểm, phần Toán học, tư duy logic và phân tích số liệu là 300 điểm, phần Giải quyết vấn đề là 500 điểm.

Năm 2024, kỳ thi ĐGNL ĐHQG-HCM tiếp tục được phát triển theo hướng ổn định và bền vững. Kỳ thi sẽ được tổ chức 02 đợt trước kỳ thi tốt nghiệp THPT và mở rộng nhiều địa điểm thi để tạo điều kiện thuận lợi cho thí sinh. Các mốc thời gian, ngày thi và địa điểm tổ chức kỳ thi ĐGNL ĐHQG-HCM năm 2024:

✚ Đợt 1:

- 22/01/2024: Mở đăng ký dự thi ĐGNL đợt 1;
- 04/3/2024: Kết thúc đăng ký dự thi ĐGNL đợt 1;
- **07/4/2024: Tổ chức thi ĐGNL đợt 1 tại 24 tỉnh/thành phố gồm:**

- **Trung và Nam Trung Bộ:** Thừa Thiên Huế, Đà Nẵng, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên, Khánh Hòa, Bình Thuận;
- **Tây Nguyên:** Đắk Lắk, Lâm Đồng;
- **Đông Nam Bộ:** Thành phố Hồ Chí Minh, Bình Dương, Đồng Nai, Bà Rịa – Vũng Tàu, Bình Phước và Tây Ninh;
- **Tây Nam Bộ:** Tiền Giang, Bến Tre, Đồng Tháp, Vĩnh Long, An Giang, Cần Thơ, Kiên Giang, Bạc Liêu.

- 15/4/2024: Thông báo kết quả thi ĐGNL đợt 1.

✚ Đợt 2:

- 16/4/2024: Mở đăng ký dự thi ĐGNL đợt 2;
- 07/5/2024: Kết thúc đăng ký dự thi ĐGNL đợt 2;
- **02/6/2024: Tổ chức thi ĐGNL đợt 2 tại 12 tỉnh/thành phố gồm:**
 - **Trung và Nam Trung Bộ:** Thừa Thiên Huế, Đà Nẵng, Bình Định, Khánh Hòa;
 - **Tây Nguyên:** Đắk Lắk; Lâm Đồng;
 - **Đông Nam Bộ:** Thành phố Hồ Chí Minh, Bà Rịa- Vũng Tàu, Đồng Nai, Bình Dương;
 - **Tây Nam Bộ:** Tiền Giang, An Giang.
- 10/6/2024: Thông báo kết quả thi ĐGNL đợt 2.

Thí sinh dễ dàng đăng ký dự thi, đăng ký xét tuyển thông qua cổng thông tin trực tuyến tại địa chỉ: <http://thinangluc.vnuhcm.edu.vn/> và đóng lệ phí bằng cách sử dụng một trong các ví điện tử thanh toán sau: Viettel Money, Foxpay, Momo và Payoo.

Thí sinh có thể xem các thông tin liên quan đến kỳ thi như: bài thi mẫu; hướng dẫn đăng ký dự thi và đóng lệ phí dự thi; các câu hỏi thường gặp về kỳ thi tại địa chỉ website: <http://thinangluc.vnuhcm.edu.vn/> hoặc <http://cete.vnuhcm.edu.vn/thi-danh-gia-nang-luc.html>.



CÁC MỐC THỜI GIAN KỲ THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC ĐHQG-HCM NĂM 2024

1. THÔNG TIN NGÀY THI, ĐỊA ĐIỂM THI

➤ **Đợt 1: Sáng Chủ Nhật, 07/4/2024** tại 24 tỉnh/thành phố bao gồm:

- *Trung và Nam Trung Bộ:* Thừa Thiên Huế, Đà Nẵng, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên, Khánh Hòa, Bình Thuận;
- *Tây Nguyên:* Đắk Lắk, Lâm Đồng;
- *Đông Nam Bộ:* Thành phố Hồ Chí Minh, Bình Dương, Đồng Nai, Bà Rịa – Vũng Tàu, Bình Phước, Tây Ninh;
- *Tây Nam Bộ:* Tiền Giang, Bến Tre, Đồng Tháp, Vĩnh Long, An Giang, Cần Thơ, Kiên Giang, Bạc Liêu.

➤ **Đợt 2: Sáng Chủ Nhật, 02/6/2024** tại 12 tỉnh/thành phố bao gồm:

- *Trung và Nam Trung Bộ:* Thừa Thiên Huế, Đà Nẵng, Bình Định, Khánh Hòa;
- *Tây Nguyên:* Đắk Lắk, Lâm Đồng;
- *Đông Nam Bộ:* Thành phố Hồ Chí Minh, Bà Rịa- Vũng Tàu, Đồng Nai, Bình Dương;
- *Tây Nam Bộ:* Tiền Giang, An Giang.

2. MỘT SỐ MỐC THỜI GIAN CHÍNH KỲ THI

✚ **Đợt 1:**

- 22/01/2024: Mở đăng ký dự thi ĐGNL đợt 1;
- 04/3/2024: Kết thúc đăng ký dự thi ĐGNL đợt 1;
- **07/4/2024: Tổ chức thi ĐGNL đợt 1;**
- 15/4/2024: Thông báo kết quả thi ĐGNL đợt 1.

✚ **Đợt 2:**

- 16/4/2024: Mở đăng ký dự thi ĐGNL đợt 2;
- 07/5/2024: Kết thúc đăng ký dự thi ĐGNL đợt 2;
- **02/6/2024: Tổ chức thi ĐGNL đợt 2;**
- 10/6/2024: Thông báo kết quả thi ĐGNL đợt 2.



Danh sách các đơn vị đăng ký sử dụng kết quả thi ĐGNL ĐHQG-HCM

Stt	Đơn vị sử dụng kết quả thi ĐGNL	TỔNG
A. CÁC ĐƠN VỊ THÀNH VIÊN CỦA ĐHQG-HCM		09
1	Trường Đại học Bách khoa	
2	Trường Đại học Khoa học Tự nhiên	
3	Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn	
4	Trường Đại học Kinh tế - Luật	
5	Trường Đại học Công nghệ Thông tin	
6	Trường Đại học Quốc tế	
7	Trường Đại học An Giang	
8	Phân hiệu ĐHQG-HCM tại tỉnh Bến Tre	
9	Khoa Y ĐHQG-HCM	
B. CÁC ĐƠN VỊ ĐẠI HỌC NGOÀI HỆ THỐNG ĐHQG-HCM		87
1.	Đại học Đà Nẵng – Trường Đại học Bách khoa	
2.	Đại học Đà Nẵng – Trường Đại học Công nghệ Thông tin và Truyền Thông Việt Hàn	
3.	Đại học Đà Nẵng – Trường Đại học Kinh tế	
4.	Đại học Đà Nẵng – Trường Đại học Ngoại ngữ	
5.	Đại học Đà Nẵng – Trường Đại học Sư phạm	
6.	Đại học Đà Nẵng – Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật	
7.	Đại học Đà Nẵng – Viện Nghiên cứu và Đào tạo Việt – Anh	
8.	Đại học Huế – Khoa Kỹ thuật và Công nghệ	
9.	Đại học Huế – Khoa Quốc Tế	
10.	Đại học Huế – Trường Du lịch	
11.	Đại học Huế – Trường Đại học Khoa học	
12.	Đại học Huế – Trường Đại học Kinh tế	
13.	Đại học Huế – Trường Đại học Ngoại ngữ	
14.	Đại học Huế – Trường Đại học Nông Lâm	
15.	Học Viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông- Cơ sở tại TP. Hồ Chí Minh	
16.	Học Viện Hàng không Việt Nam	

Stt	Đơn vị sử dụng kết quả thi ĐGNL	TỔNG
17.	Trường Đại học Bà Rịa – Vũng Tàu	
18.	Trường Đại học Bạc Liêu	
19.	Trường Đại học Bình Dương	
20.	Trường Đại học Công nghệ Miền Đông	
21.	Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn	
22.	Trường Đại học Công nghệ TP. Hồ Chí Minh	
23.	Trường Đại học Công nghiệp TP. Hồ Chí Minh	
24.	Trường Đại học Công nghiệp TP. Hồ Chí Minh- Phân hiệu tại tỉnh Quảng Ngãi	
25.	Trường Đại học Công Thương TP. Hồ Chí Minh	
26.	Trường Đại học Cửu Long	
27.	Trường Đại học Dầu khí Việt Nam	
28.	Trường Đại học Duy Tân	
29.	Trường Đại học Đà Lạt	
30.	Trường Đại học Đông Á	
31.	Trường Đại học Đồng Tháp	
32.	Trường Đại học Gia Định	
33.	Trường Đại học Giao thông vận tải tại TP. Hồ Chí Minh	
34.	Trường Đại học Giao thông vận tải – Phân hiệu tại TP. Hồ Chí Minh	
35.	Trường Đại học Hoa Sen	
36.	Trường Đại học Hùng Vương TP. Hồ Chí Minh	
37.	Trường Đại học Kiên Giang	
38.	Trường Đại học Kiến trúc Đà Nẵng	
39.	Trường Đại học Kiến trúc TP. Hồ Chí Minh	
40.	Trường Đại học Kinh tế Công nghiệp Long An	
41.	Trường Đại học Kinh tế- Kỹ thuật Bình Dương	
42.	Trường Đại học Kinh tế Quốc dân	
43.	Trường Đại học Kinh tế- Tài chính TP. Hồ Chí Minh	
44.	Trường Đại học Kinh tế TP.HCM	
45.	Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ	

Stt	Đơn vị sử dụng kết quả thi ĐGNL	TỔNG
46.	Trường Đại học Khánh Hoà	
47.	Trường Đại học Lạc Hồng	
48.	Trường Đại học Lâm nghiệp – Phân hiệu tại tỉnh Đồng Nai	
49.	Trường Đại học Mỹ thuật Công nghiệp Á Châu	
50.	Trường Đại học Nam Cần Thơ	
51.	Trường Đại học Nông lâm TP. Hồ Chí Minh	
52.	Trường Đại học Ngân hàng	
53.	Trường Đại học Ngoại ngữ Tin học	
54.	Trường Đại học Ngoại thương	
55.	Trường Đại học Nguyễn Tất Thành	
56.	Trường Đại học Nha Trang	
57.	Trường Đại học Phạm Văn Đồng	
58.	Trường Đại học Phan Châu Trinh	
59.	Trường Đại học Phan Thiết	
60.	Trường Đại học Phú Yên	
61.	Trường Đại học Quảng Bình	
62.	Trường Đại học Quang Trung	
63.	Trường Đại học Quản lý và Công nghệ TP. Hồ Chí Minh	
64.	Trường Đại học Quốc tế Hồng Bàng	
65.	Trường Đại học Quốc tế Miền Đông	
66.	Trường Đại học Quốc tế Sài Gòn	
67.	Trường Đại học Quy Nhơn	
68.	Trường Đại học Sài Gòn	
69.	Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật TP. Hồ Chí Minh	
70.	Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vinh	
71.	Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vĩnh Long	
72.	Trường Đại học Tài chính- Marketing	
73.	Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh	
74.	Trường Đại học Tân Tạo	

Stt	Đơn vị sử dụng kết quả thi ĐGNL	TỔNG
75.	Trường Đại học Tây Đô	
76.	Trường Đại học Tây Nguyên	
77.	Trường Đại học Tiền Giang	
78.	Trường Đại học Tôn Đức Thắng	
79.	Trường Đại học Thái Bình Dương	
80.	Trường Đại học Thủ Dầu Một	
81.	Trường Đại học Trà Vinh	
82.	Trường Đại học Văn Hiến	
83.	Trường Đại học Văn Lang	
84.	Trường Đại học Xây dựng Miền Tây	
85.	Trường Đại học Xây dựng Miền Trung	
86.	Trường Đại học Y Dược Buôn Ma Thuột	
87.	Trường Đại học Yersin Đà Lạt	
C. CÁC ĐƠN VỊ CAO ĐẲNG NGOÀI HỆ THỐNG ĐHQG-HCM		08
1.	Trường Cao đẳng Bình Phước	
2.	Trường Cao đẳng Kỹ thuật Cao Thắng	
3.	Trường Cao đẳng Miền Nam	
4.	Trường Cao đẳng Quốc tế TPHCM	
5.	Trường Cao đẳng Sài Gòn Gia Định	
6.	Trường Cao đẳng Sư phạm Bà Rịa - Vũng Tàu	
7.	Trường Cao đẳng Sư phạm Tây Ninh	
8.	Trường Cao đẳng Viễn Đông	

SỐ LIỆU THÍ SINH TẠI TỈNH ĐỒNG NAI THAM DỰ KỲ THI ĐGNL ĐHQG-HCM NĂM 2023

Phụ lục I: Số liệu đăng ký, dự thi, điểm trung bình của Tỉnh Đồng Nai năm 2019- 2023

Tên tỉnh/thành phố	2019			2020			2021			2022			2023		
	ĐKDT	Dự thi	ĐTB	ĐKDT	Dự thi	ĐTB	ĐKDT	Dự thi	ĐTB	ĐKDT	Dự thi	ĐTB	ĐKDT	Dự thi	ĐTB
Đồng Nai	2,879	2,763	697.16	4,261	2,259	708.80	4,980	4,870	675.70	6,255	6,076	642.80	6,725	6,596	629.96

Phụ lục II: Số liệu đăng ký, dự thi, điểm trung bình của các trường THPT thuộc Sở GD&ĐT Tỉnh Đồng Nai năm 2021- 2023

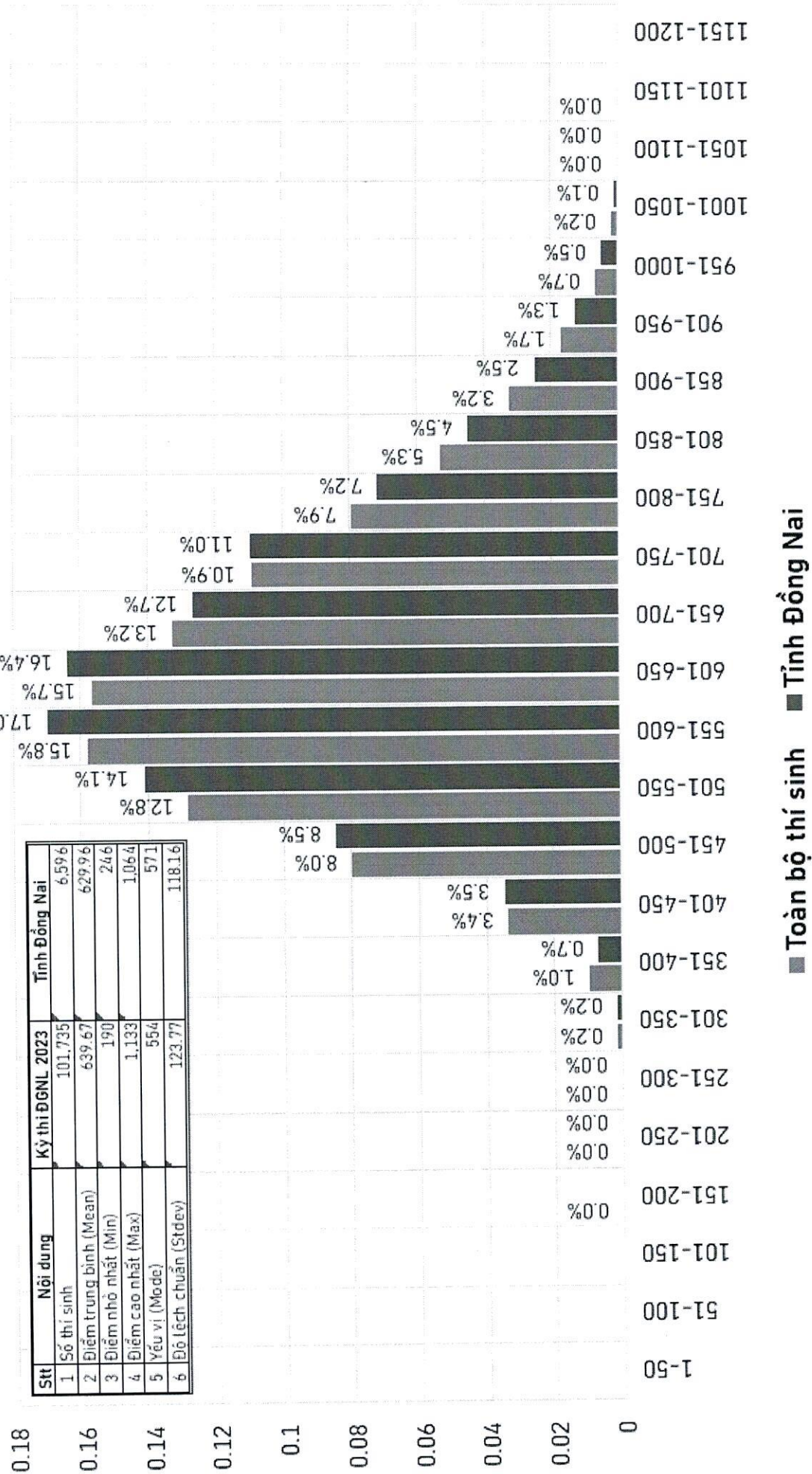
Stt	Mã tỉnh/TP	Tên trường THPT	2021			2022			2023		
			ĐKDT	Dự thi	ĐTB	ĐKDT	Dự thi	ĐTB	ĐKDT	Dự thi	ĐTB
1.	48	Sở GD&ĐT	1	1	514.00						
2.	48	THPT Chuyên Lương Thế Vinh	243	239	819.84	279	265	794.95	268	266	779.93
3.	48	THPT Ngô Quyền	323	314	759.18	353	350	731.71	372	370	718.87
4.	48	THPT Nam Hà	172	170	686.64	255	246	657.06	263	260	639.80
5.	48	THPT Tam Hiệp	93	90	644.57	165	161	619.06	150	150	610.13
6.	48	THPT Nguyễn Trãi	201	199	706.08	220	210	672.74	276	276	655.59
7.	48	THPT Lê Hồng Phong	224	223	694.52	278	275	643.20	260	255	639.39
8.	48	THPT Chu Văn An	22	22	677.45	99	98	598.78	124	122	599.64
9.	48	THPT Dân tộc Nội trú tỉnh Đồng Nai				1		0.00	1	1	427.00
10.	48	TT GDNN-GDTX Thống Nhất							2	2	704.50
11.	48	THPT Thống Nhất A	234	231	689.53	253	247	664.15	268	262	648.92
12.	48	THPT Thống Nhất	76	74	709.78	94	94	637.12	124	119	631.10
13.	48	THPT Ngô Sĩ Liên	40	40	600.18	63	61	601.05	35	33	621.12
14.	48	THPT Kiệm Tân	5	5	757.20	3	3	605.33	7	7	525.00
15.	48	TT GDNN-GDTX L. Khánh				3	3	624.67	3	2	538.00

Stt	Mã tỉnh/TP	Tên trường THPT	2021			2022			2023		
			ĐKDT	Dự thi	ĐTB	ĐKDT	Dự thi	ĐTB	ĐKDT	Dự thi	ĐTB
16.	48	THPT Long Khánh	269	267	711.36	348	342	670.07	371	364	661.86
17.	48	THPT Trần Phú	2	2	547.00	12	11	554.18	10	10	532.00
18.	48	THPT Dầu Giây	32	32	708.59	56	51	618.82	69	68	624.13
19.	48	THPT Văn Hiến	160	148	606.72	124	118	609.72	121	120	601.85
20.	48	TT GDNN-GDTX Xuân Lộc	1	1	617.00				1	1	554.00
21.	48	THPT Xuân Lộc	302	293	625.47	315	306	590.73	269	265	598.82
22.	48	THPT Long Thành	320	316	670.31	356	354	627.51	336	333	629.74
23.	48	THPT Long Phước	44	42	638.64	53	53	581.49	68	65	576.45
24.	48	THPT Nguyễn Đình Chiểu	7	7	560.14	8	8	567.50	25	24	531.04
25.	48	THPT Nhơn Trạch	68	66	686.24	114	112	642.15	104	102	606.29
26.	48	TT GDNN-GDTX Đình Quán				1	1	561.00	4	4	502.75
27.	48	THPT Tân Phú	89	87	692.45	130	127	647.03	134	131	628.79
28.	48	THPT Diêu Cai	17	17	716.29	54	54	614.33	59	57	623.68
29.	48	THPT Đình Quán	5	5	623.20	8	8	610.50	27	27	506.15
30.	48	TT GDNN-GDTX Tân Phú	1	1	586.00	1	1	453.00			
31.	48	THPT Đoàn Kết	127	125	626.60	119	117	622.44	154	149	602.55
32.	48	THPT Thanh Bình	70	69	659.64	72	67	627.60	74	70	616.36
33.	48	THPT Vĩnh Cửu	33	32	659.63	95	94	591.44	89	87	636.29
34.	48	THPT Trĩ An	111	109	653.18	110	105	605.86	99	97	617.65
35.	48	THPT Xuân Mỹ	1	1	585.00				12	12	622.58
36.	48	THCS-THPT Ngọc Lâm	7	7	570.00	4	4	574.75	7	7	523.57
37.	48	THPT Tam Phước	170	166	637.49	193	187	641.14	184	182	609.10
38.	48	THPT Nguyễn Khuyển	6	6	614.50	11	10	501.60	29	29	525.34
39.	48	THPT Nguyễn Hữu Cảnh	201	198	636.15	242	236	629.83	220	217	607.89
40.	48	THPT Lê Quý Đôn	296	279	606.92	286	276	568.38	151	149	550.05
41.	48	THPT Sông Ray	21	20	666.65	90	90	600.27	50	49	588.16
42.	48	THPT Bùi Thị Xuân	73	68	618.65	90	87	606.24	163	156	564.60
43.	48	THPT Phước Thiện	80	78	661.82	72	71	676.56	101	101	612.50
44.	48	TT GDNN-GDTX Biên Hòa	2	2	583.00	1	1	543.00	3	2	455.00
45.	48	THPT Hồng Bàng	9	9	535.56	1	1	382.00	15	13	495.38
46.	48	THPT Trần Quốc Tuấn				1	1	544.00	2	2	428.00
47.	48	THPT Trần Biên	337	335	733.87	470	459	697.95	536	530	701.19
48.	48	THPT Bình Sơn	25	24	677.83	37	36	630.64	57	54	581.91

Stt	Mã tỉnh/TP	Tên trường THPT	2021			2022			2023		
			DKDT	Dự thi	ĐTB	DKDT	Dự thi	ĐTB	DKDT	Dự thi	ĐTB
49.	48	THPT Phú Ngọc	18	18	739.50	60	60	616.17	63	63	619.73
50.	48	TT GDNN-GDTX Trảng Bom				2	1	528.00	3	3	589.00
51.	48	THPT Trương Vĩnh Ký	3	3	597.33	5	5	560.60	16	14	523.64
52.	48	THPT Xuân Hưng	71	69	589.06	41	39	576.97	37	34	553.06
53.	48	THPT Dắc Lua	2	2	691.00	8	8	609.13			
54.	48	THCS-THPT Huỳnh Văn nghệ	11	11	656.91	5	5	597.40	8	8	578.50
55.	48	THPT Võ Trường Toản	13	12	666.75	46	44	584.34	36	33	600.97
56.	48	THPT Tôn Đức Thắng	2	2	805.50	14	13	620.69	21	20	575.75
57.	48	THPT Trịnh Hoài Đức	27	26	596.88	67	64	584.80	55	53	584.60
58.	48	THCS THPT Bàu Hàm	1	1	474.00	8	7	606.00	5	5	599.60
59.	48	THPT Trần Đại Nghĩa	39	38	611.34	69	68	614.43	105	98	600.49
60.	48	THPT Đinh Tiên Hoàng	26	26	599.27	46	41	548.61	20	19	518.84
61.	48	THPT Xuân Thọ	10	10	606.30	14	12	611.50	24	24	519.79
62.	48	PT Năng Khiếu Thê Thao	1	1	575.00						
63.	48	CD nghề Đồng Nai	5	5	596.40	5	5	521.80	7	7	563.57
64.	48	CD Công Nghệ Quốc Tế LiLaMa2				1	1	556.00	2	2	587.50
65.	48	CD nghề Cơ giới - Thủy lợi	1	1	575.00	1	1	591.00	1	1	408.00
66.	48	TC nghề Kinh tế - Kỹ thuật số 2	3	3	480.00	2	2	494.00	4	3	462.33
67.	48	CD nghề KV Long Thành-Nhon Trạch	1	1	496.00						
68.	48	TC nghề Tri Thức	8	8	607.00	9	7	520.71	3	3	590.00
69.	48	TC nghề Hòa Bình	2	2	500.00				1	1	637.00
70.	48	TH-THCS-THPT Tân Hòa	2	1	745.00	10	10	543.90	7	7	483.86
71.	48	TH-THCS-THPT Hùng Vương				1	1	622.00	1	1	458.00
72.	48	TH-THCS-THPT Lê Quý Đôn-Tân Phú	1	1	781.00				2	2	501.00
73.	48	THPT Nguyễn Bình Khiêm	5	5	766.20	12	10	584.90	11	10	545.40
74.	48	TH-THCS-THPT Song Ngữ Lạc Hồng	58	57	638.88	37	35	614.83	122	120	599.45
75.	48	TH-THCS-THPT Nguyễn Văn Trỗi	1	1	553.00	1	1	535.00	3	3	552.67
76.	48	TH-THCS-THPT Thái Bình Dương				2		0.00	5	5	672.40
77.	48	THCS-THPT Việt Hoa Quang Chánh							1	1	550.00
78.	48	ĐH Đồng Nai							1	1	746.00
79.	48	TT GDNN-GDTX tỉnh Đồng Nai	1	1	538.00	6	6	504.67	10	10	508.70
80.	48	THPT Cẩm Mỹ	16	16	628.88	31	30	570.03	10	9	620.44
81.	48	Phổ thông Thực hành Sư phạm	81	78	632.09	100	95	600.34	95	95	593.46

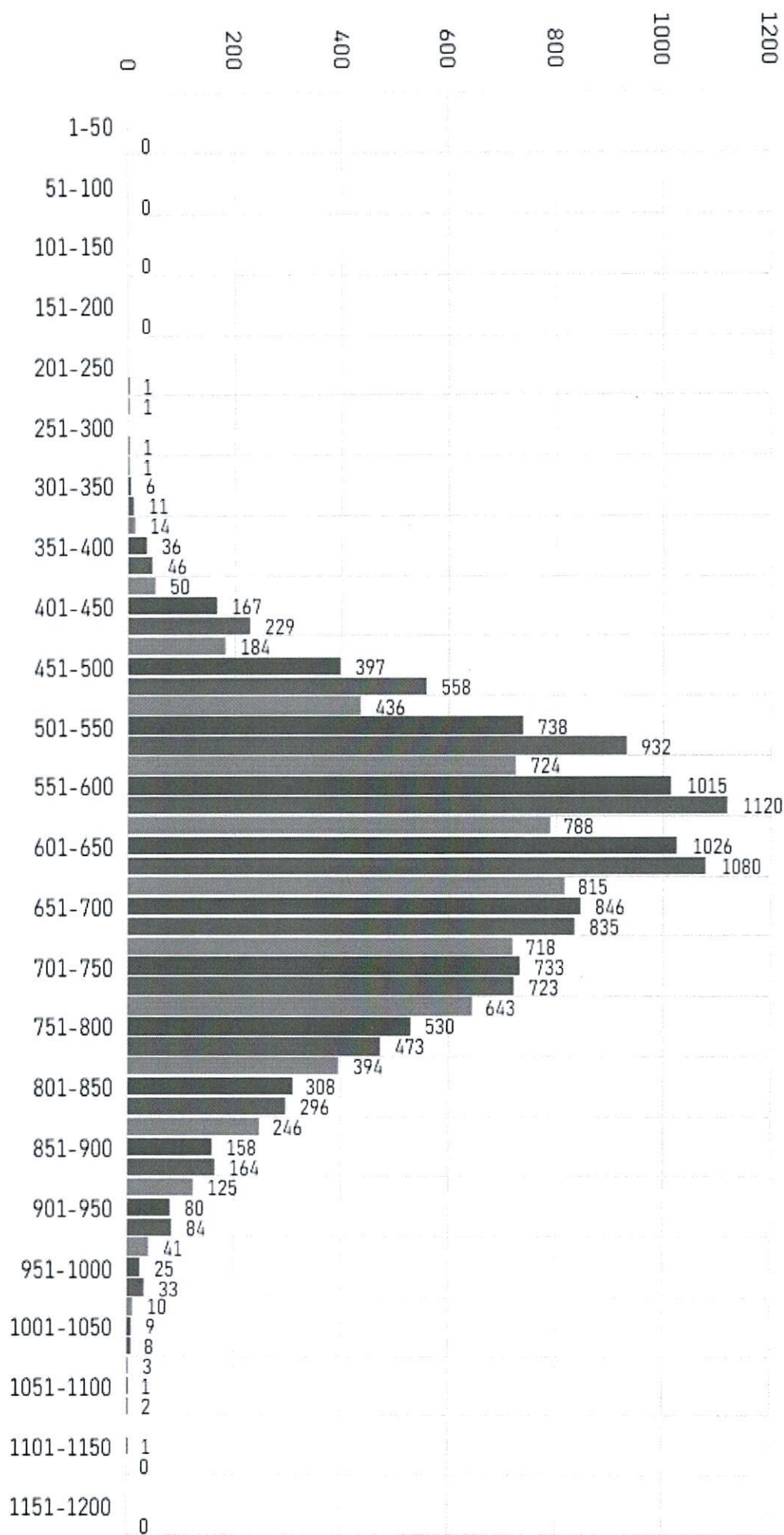
Stt	Mã tỉnh/TP	Tên trường THPT	2021			2022			2023		
			DKDT	Dự thi	ĐTB	DKDT	Dự thi	ĐTB	DKDT	Dự thi	ĐTB
82.	48	CD Hòa Bình Xuân Lộc	2	2	665.50	6	6	556.33	2	2	362.00
83.	48	TH-THCS-THPT Lê Quý Đôn-Quyết Thắng				24	22	670.05	77	75	574.52
84.	48	TH-THCS-THPT Đinh Tiên Hoàng							63	62	540.18
85.	48	THPT Lê Quý Đôn - Long Bình Tân							97	95	543.84
86.	48	PTDINT THCS-THPT Diêu Xiêng				1	1	628.00	1	1	593.00
87.	48	THCS-THPT Suối Nho	3	3	595.00	6	6	627.17	8	8	621.63
88.	48	THCS-THPT Tri Thức							1	1	729.00
89.	48	THPT Hoàng Diệu	32	32	572.53	60	58	573.19	69	65	528.48
90.	48	TH-THCS-THPT Song Ngự Á Châu	14	14	626.86	15	11	652.64	30	30	571.30

PHỔ ĐIỂM KỲ THI ĐGNL NĂM 2023 (THEO TỶ LỆ)
CỦA TỈNH ĐỒNG NAI SO VỚI TOÀN BỘ THÍ SINH DỰ THI



Phụ lục IV: Phổ điểm kỳ thi ĐGNL ĐHQG-HCM năm 2021- 2023 theo số lượng thí sinh dự thi của Tỉnh Đồng Nai

PHỔ ĐIỂM KỲ THI ĐGNL NĂM 2021-2023
CỦA TỈNH ĐỒNG NAI



Phụ lục V: Phổ điểm kỳ thi ĐGNL ĐHQG-HCM năm 2021- 2023 theo tỷ lệ thí sinh dự thi của Tỉnh Đồng Nai

PHỔ ĐIỂM KỲ THI ĐGNL NĂM 2021-2023 (THEO TỶ LỆ)
CỦA TỈNH ĐỒNG NAI

